

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nhà máy sản xuất viên nén gỗ sinh học tại CCN thị trấn Vân Canh, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định của Công ty TNHH sản xuất Dững Thành

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;;

Theo đề nghị của cơ quan thường trực thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Nhà máy sản xuất viên nén gỗ sinh học tại Biên bản phiên họp chính thức Hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM ngày 01/10/2020;

Xét nội dung Báo cáo ĐTM dự án Nhà máy sản xuất viên nén gỗ sinh học tại CCN thị trấn Vân Canh, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định, đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 70/CV-DT ngày 04/12/2020 của Công ty TNHH Sản xuất Dững Thành;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 07/TTr-STNMT ngày 05/01/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo ĐTM của dự án Nhà máy sản xuất viên nén gỗ sinh học tại CCN thị trấn Vân Canh, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Sản xuất Dững Thành với các nội dung chính tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Công ty TNHH Sản xuất Dũng Thành có trách nhiệm

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án tại trụ sở UBND thị trấn Vân Canh theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này.

3. Lập và gửi Kế hoạch vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải, khí thải của dự án về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 20 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

4. Báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường về Sở Tài nguyên và Môi trường để được kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

5. Chịu trách nhiệm khắc phục các sự cố, rủi ro môi trường trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của dự án; bồi thường mọi thiệt hại về kinh tế, môi trường do quá trình triển khai hoạt động dự án gây ra.

6. Trong thời gian 24 tháng kể từ thời điểm quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM nếu dự án không được triển khai, chủ dự án phải lập lại báo cáo ĐTM theo quy định pháp luật.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Vân Canh;
- UBND thị trấn Vân Canh;
- Chủ dự án;
- CVP, PVPNN;
- Lưu: VT, K10

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
NHÀ MÁY SẢN XUẤT VIÊN NÉN GỖ SINH HỌC TẠI CCN THỊ TRẤN
VÂN CANH, HUYỆN VÂN CANH, TỈNH BÌNH ĐỊNH
CỦA CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT DŨNG THÀNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

- 1.1. Tên dự án: Nhà máy sản xuất viên nén gỗ sinh học.
- 1.2. Chủ đầu tư: Công ty TNHH Sản xuất Dũng Thành.
- 1.3. Địa điểm: CCN thị trấn Vân Canh, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định.
- 1.4. Quy mô, công suất dự án:
 - Diện tích dự án: 31.289 m².
 - Công suất dự án: 50.000 tấn viên nén/năm.
- 1.5. Các hạng mục công trình chính của dự án: 01 xưởng băm dăm; 01 xưởng sản xuất viên nén; 01 trạm cân; nhà làm việc; kho cơ khí; bể chứa nước và PCCC; bãi chứa gỗ tròn (có mái che), sân phơi chứa dăm gỗ, bể thu gom nước từ sân chứa dăm, bể xử lý nước thải...

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

- 2.1. Các tác động môi trường chính của dự án
 - Tác động của bụi, khí thải: phát sinh từ hoạt động vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm của nhà máy, hoạt động băm dăm, sản xuất viên nén.
 - Tác động của nước thải: phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên nhà máy; nước mưa chảy tràn qua bãi chứa gỗ; nước xả đáy 02 hệ thống xử lý khí thải lò sấy viên nén.
 - Tác động của chất thải rắn: chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên nhà máy; chất thải rắn sản xuất phát sinh từ hoạt động sản xuất viên nén; bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải, chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của nhà máy.
 - Tác động của tiếng ồn, độ rung: phát sinh từ các hoạt động sản xuất của nhà máy.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

- Giai đoạn thi công
 - Nước thải sinh hoạt: lưu lượng phát sinh khoảng 0,72 m³/ngày; nước thải chứa hàm lượng ô nhiễm hữu cơ, chất thải rắn lơ lửng và vi sinh cao.
- Giai đoạn hoạt động

+ Nước thải sinh hoạt: lưu lượng phát sinh khoảng $1,8 \text{ m}^3/\text{ngày}$; nước thải chứa hàm lượng ô nhiễm hữu cơ, chất thải rắn lơ lửng và vi sinh cao.

+ Nước mưa chảy tràn qua bãi chứa gỗ (phát sinh khi trời mưa): lưu lượng phát sinh khoảng $11,9 \text{ m}^3/\text{ngày}$ (tính cho lưu lượng ngày mưa lớn nhất); nước thải chứa hàm lượng ô nhiễm hữu cơ, chất thải rắn lơ lửng, độ màu cao.

+ Nước xả đáy lò hơi: phát sinh 1 lần/tháng với lưu lượng $1 \text{ m}^3/\text{lần}$; nước thải chứa hàm lượng chất rắn lơ lửng, độ màu cao.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Bụi từ hoạt động san nền; hoạt động thi công, xây dựng; các phương tiện giao thông ra vào dự án; hoạt động băm dăm, sản xuất viên nén.

- Tính chất của bụi, khí thải: ở trạng thái rắn, khí.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn (CTR) công nghiệp thông thường

- CTR xây dựng (gạch vỡ, đá, xi măng, sắt thép, giấy, đất cát, xà bần, bao bì...) phát sinh khoảng 2 - 3 m^3 trong giai đoạn thi công.

- CTR sinh hoạt trong quá trình hoạt động ước tính khoảng 45 kg/ngày; bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt khoảng 14,5 kg/ngày.

- CTR sản xuất gồm: tro thải từ 02 lò sấy viên nén khoảng 192 kg/ngày; bụi từ dây chuyền viên nén khoảng 60 kg/ngày; bụi từ hệ thống xử lý bụi khoảng 20 kg/ngày; chất thải nạo vét hố ga khoảng 20kg/một lần nạo vét.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại (CTNH)

- Khối lượng CTNH: Dầu mỡ, giẻ lau dính dầu mỡ, pin, ắc quy chì thải, bóng đèn huỳnh quang thải, hộp mực in,... phát sinh với khối lượng khoảng 77 kg/năm. Tính chất của CTNH là chứa các yếu tố độc hại, dễ cháy, dễ nổ, dễ ăn mòn.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

a) Nước thải sinh hoạt

- Phương án thu gom, xử lý: nước thải nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại và nước thải nhà ăn được xử lý sơ bộ bằng hố ga tách dầu mỡ, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải, công suất 3 $\text{m}^3/\text{ngày}$ để xử lý đảm bảo đạt QCVN14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B, k = 1,2). Nước thải sau xử lý được xả về suối Két phía Tây dự án (tọa độ xả thải: 1.506.127; 579.562).

- Sơ đồ công nghệ xử lý của hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải → Bể điều hòa → Bể hiếu khí → Bồn lọc cát → Bể khử trùng → Hố ga lấy mẫu → suối Két phía Tây dự án.

- Quy trình vận hành: hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt được thiết kế vận hành tự động.

b. Nước mưa chảy tràn qua bãi chứa gỗ và nước xả đáy lò hơi

- Phương án thu gom, xử lý: nước thải chảy tràn qua bãi chứa gỗ được thu gom về hố ga, tuyến mương bê tông (có nắp đan đục lỗ); nước xả cặn đáy lò hơi (phát sinh 01 lần/tháng) được thu gom bằng đường ống nhựa, đường kính 90mm và dẫn về bể thu gom có thể tích 100 m³ trước khi đưa về hệ thống xử lý nước thải, công suất 13 m³/ngày để xử lý.

Nước thải sau hệ thống xử lý đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp (cột B; K_q=0,9; K_f=1,2). Nước thải sau xử lý được đầu nối về suối Két phía Tây dự án (tọa độ xả thải: 1.506.127; 579.562).

- Sơ đồ công nghệ xử lý

Nước mưa chảy tràn qua bãi chứa gỗ + Nước xả cặn lò hơi → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể keo tụ + lắng → Bể phản ứng oxy hóa → Bể tạo bông + lắng → Bể lọc cát → Khử trùng UV → suối Két phía Tây dự án.

- Quy trình vận hành: hệ thống xử lý nước thải được thiết kế vận hành tự động.

Trong giai đoạn CCN thị trấn Vân Canh hoàn thiện hạ tầng thu gom và xử lý nước thải, nước thải phát sinh từ dự án (nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất) sẽ được đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của CCN thị trấn Vân Canh (tọa độ điểm đầu nối: 1.506.051; 579.714).

3.2. Về xử lý bụi, khí thải

a) Bụi từ khu vực băm dăm

- Khu vực xưởng băm có mái che, tường bao kín xung quanh. Xưởng băm dăm và xưởng sản xuất viên nén liên thông với nhau, đảm bảo kín nhằm hạn chế bụi phát tán ra ngoài.

- Hệ thống máy băm được đặt ngầm dưới hố móng, làm giảm khả năng phát tán bụi trong quá trình băm dăm. Các băng tải có khung che bằng kim loại (sắt, inox, nhôm...), máng hình vòng cung, bao kín bề mặt băng tải.

- Lắp đặt ống mềm tại đầu hòng xả dăm (sau băng tải) xuống bãi dăm để giảm thiểu bụi phát tán khi đổ dăm từ băng tải trên cao xuống bãi chứa dăm.

- Xây tường rào cao 3 m xung quanh toàn bộ khu vực nhà máy để hạn chế phát tán bụi.

- Trồng cây xanh cách ly xung quanh dự án với tổng diện tích là 4.213,9 m² (chiếm 20% diện tích nhà máy).

b) Bụi, khí thải từ quá trình sản xuất viên nén

- Sử dụng vít tải kín để vận chuyển nguyên liệu đến các công đoạn sản xuất tiếp theo.

- Lắp đặt dây chuyền công nghệ sản xuất khép kín. Mỗi công đoạn sản xuất như nghiền, sấy, ép, bụi phát sinh được quạt hút thu gom về hệ thống xử lý bụi.

- Sơ đồ công nghệ xử lý:

- + Sơ đồ công nghệ xử lý bụi từ quá trình nghiền thô, sấy, ép viên: Bụi gỗ → Chụp hút → Quạt hút → Cyclone → Kho chứa bụi.

- + Sơ đồ công nghệ xử lý bụi từ quá trình nghiền tinh: Bụi gỗ → Chụp hút → Quạt hút → Cyclone → Túi vải lọc bụi → Kho chứa bụi.

- Quy trình vận hành: bụi phát sinh từ các hoạt động sản xuất viên nén được thu gom về các chụp hút, quạt hút cục bộ, cyclone, kho chứa. Hệ thống xử lý bụi được thiết kế vận hành tự động.

- + Đối với khí thải từ lò sấy: lắp đặt 02 hệ thống thu gom và xử lý bụi, khí thải khép kín để xử lý toàn bộ lượng khí thải phát sinh từ 02 lò sấy (công suất 5 tấn/h mỗi lò) trước khi thải ra ngoài đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp cột B ($K_q=1$; $K_v=1,2$).

- Sơ đồ công nghệ xử lý:

- Khí thải lò sấy → Quạt hút → Cyclone khô → Cyclone ướt → Ống khói và thải ra môi trường.

- Quy trình vận hành: khí thải lò sấy được quạt hút đẩy qua Cyclone khô, Cyclone ướt, đảm bảo khí thải đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTR công nghiệp thông thường và CTNH

a) Chất thải rắn sinh hoạt: bố trí các thùng rác có nắp đậy tại nhà ăn, nhà vệ sinh, dọc các khu vực sản xuất, văn phòng của cán bộ, công nhân. Hợp đồng với Công ty TNHH Thiên Hương để định kỳ thu gom, xử lý theo quy định.

b) Chất thải rắn sản xuất

- Xây dựng nhà lưu chứa chất thải rắn sản xuất diện tích 40 m², đặt tại phía Nam nhà máy để thu gom, lưu giữ và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý.

- Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải sẽ thu gom vào các bao chứa và hợp đồng với đơn vị chức năng để xử lý.

- Viên nén hỏng, bụi thu hồi từ quá trình sản xuất được dùng làm nhiên liệu đốt lò sấy viên nén.

c) Chất thải nguy hại (CTNH)

- CTNH được phân loại riêng, chứa trong thùng kín có dán nhãn bố trí ở 01 ngăn của nhà chứa chất thải rắn sản xuất có diện tích khoảng 15 m² và ký hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, xử lý theo quy định.

3.4. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị.
- Chân đế máy móc, thiết bị được lắp cố định và chắc chắn vào sàn, lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su để giảm rung.

3.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Thực hiện các quy định về an toàn lao động.
- Trang bị đầy đủ các phương tiện phòng cháy chữa cháy: bình chữa cháy cầm tay, họng chữa cháy, bể chứa nước.
- Lắp đặt các biển báo cấm và biển báo nguy hiểm trong khu vực sản xuất và trong khuôn viên của nhà máy.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

- Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt có công suất 3 m³/ngày và hệ thống xử lý nước mưa chảy tràn qua bãi chứa gỗ có công suất 12 m³/ngày; đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu vào, đầu ra tại mỗi hệ thống xử lý.
- 02 hệ thống xử lý khí thải lò sấy.
- Hệ thống đường ống hút bụi trung tâm và hệ thống xử lý bụi cho xưởng sản xuất.
- Nhà chứa rác 02 ngăn có diện tích 40 m².
- Cây xanh trồng với tổng diện tích là 4.213,9 m² (chiếm 20% diện tích nhà máy).

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:

Trong giai đoạn vận hành thử nghiệm và vận hành thương mại, Chủ dự án thực hiện chương trình giám sát môi trường như sau:

5.1. Giai đoạn vận hành thử nghiệm

a) Nước thải sinh hoạt

- Vị trí và tần suất giám sát: cụ thể theo nội dung báo cáo ĐTM.
- Thông số quan trắc: lưu lượng, pH, BOD₅, TSS, TDS, Sunfua, NH₄⁺, NO₃⁻, PO₄³⁻, dầu mỡ động thực vật, Coliforms, Tổng các chất hoạt động bề mặt. Quy chuẩn so sánh: QCVN14:2008/BTNMT, Cột B, k = 1,2. Các bước tiến hành lấy mẫu theo đúng quy định hiện hành.

b) Nước mưa chảy tràn qua bãi chứa gỗ

- Vị trí và tần suất giám sát: cụ thể theo nội dung báo cáo ĐTM.

- Thông số quan trắc: lưu lượng, pH, SS, BOD₅, COD, PO₄³⁻, Độ màu, Coliforms. Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B, K_q= 0,9, K_f = 1,2. Các bước tiến hành lấy mẫu theo đúng quy định hiện hành.

c) Khí thải từ 02 lò sấy

- Vị trí và tần suất giám sát: cụ thể theo nội dung báo cáo ĐTM.

- Thông số quan trắc: Bụi, CO, SO₂, NO₂. Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B, K_q= 1, K_v= 1. Các bước tiến hành lấy mẫu theo đúng quy định hiện hành.

5.2. Giai đoạn vận hành thương mại

a) Nước thải sinh hoạt:

- Vị trí giám sát: nước thải đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

- Thông số quan trắc: lưu lượng, pH, BOD, TSS, TDS, Sunfua, NH₄⁺, NO₃⁻, PO₄³⁻, dầu mỡ động thực vật, Coliforms, Tổng các chất hoạt động bề mặt. Quy chuẩn so sánh: QCVN14:2008/BTNMT, Cột B, k = 1,2. Các bước tiến hành lấy mẫu theo đúng quy định hiện hành.

b) Giám sát nước mưa chảy tràn qua bãi chứa gỗ:

- Vị trí giám sát: nước thải đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước mưa bãi chứa gỗ (tại các thời điểm có mưa).

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

- Thông số quan trắc: lưu lượng, pH, SS, BOD₅, COD, PO₄³⁻, Độ màu, Coliforms. Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B, K_q= 0,9, K_f = 1,2. Các bước tiến hành lấy mẫu theo đúng quy định hiện hành.

c) Giám sát khí thải từ 02 lò sấy

- Vị trí giám sát: đầu ra của 02 ống khói lò sấy.

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

- Thông số quan trắc: Bụi, CO, SO₂, NO₂. Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B, K_q= 1, K_v= 1. Các bước tiến hành lấy mẫu theo đúng quy định hiện hành.

d) Giám sát chất thải rắn

Giám sát việc thu gom chất thải rắn thông thường và chất thải rắn nguy hại: lượng phát sinh, loại phát sinh, tần suất thu gom, tình hình thu gom và việc lưu giữ.

đ) Thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm (bao gồm báo cáo về quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn sản xuất, chất thải nguy hại) theo quy định.